

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

Sau bài học, HS cần :

**1. Về kiến thức**

– Biết được vai trò, đặc điểm sản xuất và phân bố của ngành công nghiệp cơ khí, điện tử – tin học và công nghiệp hoá chất.

– Hiểu được vai trò của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nói chung, công nghiệp dệt – may nói riêng ; của ngành công nghiệp thực phẩm cũng như đặc điểm phân bố của chúng.

**2. Về kĩ năng**

– Phân biệt được các phân ngành của công nghiệp cơ khí, điện tử – tin học, công nghiệp hoá chất cũng như công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp thực phẩm.

– Biết phân tích và nhận xét lược đồ sản xuất ô tô và máy thu hình.

**3. Về thái độ, hành vi**

– Nhận thức được tầm quan trọng của các ngành công nghiệp cơ khí, điện tử – tin học, hoá chất, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp thực phẩm trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam.

– Thấy được những thuận lợi và khó khăn của các ngành này ở nước ta và địa phương.

## **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC**

– Các hình ảnh về hoạt động sản xuất của các ngành công nghiệp cơ khí, điện tử – tin học, hoá chất, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp thực phẩm.

– Sơ đồ công nghiệp cơ khí, hoá chất trong SGK (phóng to).

## **III. MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý**

### **1. Những kiến thức trọng tâm**

– Vai trò, các phân ngành và đặc điểm phân bố của các ngành công nghiệp cơ khí, điện tử – tin học và công nghiệp hoá chất.

– Vai trò, đặc điểm sản xuất và phân bố công nghiệp dệt – may và công nghiệp thực phẩm.

#### ***1.1. Ngành công nghiệp cơ khí***

##### ***a) Về vai trò***

GV lưu ý cho HS thêm những vai trò khác ngoài SGK đối với nền kinh tế và đời sống. Công nghiệp chế tạo cơ khí không chỉ là "quả tim của công nghiệp nặng" mà còn là "máu cái" của nền sản xuất xã hội.

– Trong quá trình cải tạo và sử dụng tự nhiên, nâng cao mức sống con người, nếu không có ngành chế tạo máy với hệ thống các máy móc và thiết bị thì không thể có những thành tựu to lớn như hiện nay.

– Là ngành công nghiệp chủ chốt không chỉ về giá trị tổng sản phẩm mà cả số lượng công nhân tham gia sản xuất trong toàn bộ ngành công nghiệp.

– Đối với các nước đang phát triển như nước ta, trước yêu cầu phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá, công nghiệp cơ khí phải đủ sức mạnh để thực hiện các nội dung của cách mạng công nghiệp, để đổi mới công nghệ cho các ngành kinh tế. Công nghiệp cơ khí góp phần từng bước biến nền sản xuất với kỹ thuật lạc hậu thành nền sản xuất với kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, có năng suất lao động cao, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.

GV cần nắm vững những đặc điểm *kinh tế – kỹ thuật* chính để làm cơ sở giải thích bức tranh phân bố của ngành trên thế giới cũng như trong từng nước.

– Sản phẩm của ngành chế tạo cơ khí rất đa dạng (máy móc, phụ tùng, chi tiết...), song các nhà máy cơ khí đều có đặc điểm chung về quá trình công nghệ. Đó là từ kim loại (và các vật liệu khác) chế tạo ra các chi tiết riêng biệt và hợp nhất chúng lại thành các cụm, các tổ máy và các máy thành phẩm.

– Các xí nghiệp của ngành chế tạo máy có sự liên kết chặt chẽ với nhau và với các xí nghiệp của các ngành công nghiệp khác. Vì thế ngành này có khả năng phát triển rộng rãi hình thức chuyên môn hoá và hợp tác hoá với xu hướng tập trung thành từng cụm và trung tâm công nghiệp. GV có thể lấy ví dụ các trung tâm công nghiệp cụ thể như trung tâm công nghiệp cơ khí Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hoà, Thái Nguyên. Cụm công nghiệp Gò Đầm (Thái Nguyên), Thượng Đình (Hà Nội)...

– Ngoài nhiệm vụ chế tạo máy móc, thiết bị, ngành công nghiệp cơ khí còn sửa chữa các máy móc, thiết bị cho tất cả các ngành công nghiệp. Vì thế, cùng với xu hướng phân bố tập trung, ngành công nghiệp cơ khí còn có xu hướng phân bố phân tán khắp các vùng để đáp ứng nhu cầu sửa chữa.

#### *b) Về tình hình sản xuất và phân bố*

Các nước đi đầu trong ngành công nghiệp cơ khí là các nước kinh tế phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Anh, Pháp, Nga. Trình độ phát triển và công nghệ ở các nước này đạt tới đỉnh cao, gắn với ngành công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin. Đối với phần lớn các nước đang phát triển, đa phần là ngành cơ khí sửa chữa, lắp ráp và sản xuất theo mẫu có sẵn.

#### *c) Liên hệ thực tiễn Việt Nam*

Ngành công nghiệp cơ khí ở nước ta có những thế mạnh vốn có là lực lượng lao động có tay nghề và giá lao động tương đối rẻ. Song bên cạnh đó còn rất nhiều khó khăn và hạn chế như công nghệ và thiết bị lạc hậu, chất lượng sản phẩm kém, chưa có khả năng cạnh tranh với hàng nước ngoài...

Các sản phẩm chính của ngành là : động cơ điện, động cơ điêzen, quạt điện, ti vi lắp ráp, xe máy lắp ráp, xe đạp...

## **1.2. Công nghiệp điện tử – tin học**

### **a) Về vai trò**

GV nhấn mạnh vai trò chủ đạo của ngành này trong hệ thống công nghiệp trên thế giới ở thế kỉ XXI nhằm đưa nền kinh tế – xã hội lên một trình độ cao mới.

### **b) Về tình hình sản xuất và phân bố**

GV có thể tham khảo một số thông tin về ngành công nghiệp điện tử – tin học

<b>Tên ngành</b>	<b>Sản phẩm</b>	<b>Các nước và lãnh thổ sản xuất và xuất khẩu</b>
1. Máy tính	Phần mềm, thiết bị công nghệ	Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Trung Quốc, Ấn Độ
2. Thiết bị điện tử công nghiệp	Linh kiện điện tử, các tụ điện, các điện trở, các vi mạch IC, các chip bộ nhớ khác nhau...	Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Ấn Độ, Ca-na-da, Đài Loan, Ma-lai-xi-a
3. Điện tử tiêu dùng	Ti vi màu, cát sét, đầu đĩa, đồ chơi điện tử...	Hoa Kỳ, Nhật Bản, Xin-ga-po, EU, Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan
4. Thiết bị viễn thông	Điện thoại, máy FAX	Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc

### **c) Liên hệ thực tiễn Việt Nam**

Cho đến nay ngành điện tử – tin học của Việt Nam vẫn còn nhỏ bé, chỉ chiếm 3% tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Các công ti chủ chốt trong ngành vẫn là loại nhỏ, chưa có khả năng cạnh tranh với các nước trong khu vực.

## **1.3. Công nghiệp hoá chất**

### **a) Về vai trò**

– GV nhấn mạnh vị trí cao của ngành công nghiệp hoá chất trong hệ thống các ngành công nghiệp và được coi là ngành mũi nhọn, vì trong điều kiện của tiến bộ khoa học – kĩ thuật và công nghệ hiện đại, công nghệ hoá học được ứng dụng vào mọi mặt của sản xuất, đời sống và các chế phẩm của nó được sử dụng rất rộng rãi.

– GV có thể lưu ý thêm với HS rằng đối với các nước nông nghiệp, công nghiệp hoá chất là đòn bẩy để thực hiện quá trình hoá học hoá, góp phần tăng trưởng sản xuất với năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt. Công nghiệp hoá chất cung cấp những vật tư chiến lược cho nông nghiệp như phân hoá học, thuốc trừ sâu, các loại thuốc chống dịch bệnh, kích thích sự tăng trưởng và phát triển của cây trồng, vật nuôi...

### *b) Về tình hình sản xuất và phân bố*

Trong SGK đã có sơ đồ về các phân ngành của công nghiệp hoá chất. Đây là một tập hợp của nhiều phân ngành mà quy trình công nghệ chủ yếu dựa trên các phản ứng hoá học phân tích và tổng hợp. GV nên cho HS tái hiện lại các kiến thức của môn hoá học và liên hệ với các ngành công nghiệp và nông nghiệp vừa học trước đó.

– GV nên đưa ra các ví dụ cụ thể về các sản phẩm và ứng dụng của nó.

+ Phân ngành hoá chất cơ bản.

\* Axít vô cơ, muối, kiềm, clo sử dụng cho các ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp dệt.

\* Phân bón, hoá chất bảo vệ thực vật.

\* Thuốc nhuộm, các chất tẩy rửa.

+ Phân ngành hoá tổng hợp hữu cơ.

\* Sợi hoá học.

\* Các chất dẻo, nhựa PVC...

\* Cao su tổng hợp, sản xuất sảm lốp xe máy, ô tô...

\* Các chất thơm, phim ảnh.

+ Phân ngành hoá dầu.

\* Hoá lọc dầu từ dầu thô để lấy ra các sản phẩm khác nhau : et xăng, dầu hoả, dầu bôi trơn...

\* Dược phẩm, mĩ phẩm...

Công nghiệp hoá chất tập trung và phát triển mạnh ở các nước có nền kinh tế phát triển như Nhật Bản, Hoa Kỳ, Anh, LB Nga, CHLB Đức, Pháp. Các nước đang phát triển cũng có nhiều nỗ lực để thúc đẩy ngành công nghiệp này, đặc biệt là hoá chất cơ bản và chất dẻo như Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc, Bra-xin,...

Sản lượng phân hoá học toàn thế giới năm 2000 là trên 147 triệu tấn, trong đó Trung Quốc chiếm 20,4%, Hoa Kỳ 16,7%, Ấn Độ 9,3%, Ca-na-đa 8,6%...

Về sản xuất cao su tổng hợp, Hoa Kỳ chiếm 25% trong tổng số 9,5 triệu tấn, Nhật 16,7%, Nga 7,8%.

### *c) Liên hệ thực tế Việt Nam*

Ngành hoá chất được lựa chọn là ngành công nghiệp mũi nhọn cho giai đoạn 2001 – 2010. Cơ cấu của ngành là hoá chất cơ bản, phân bón hoá học, cao su, thuốc chữa bệnh dựa trên các thế mạnh về nguyên liệu, cơ sở vật chất – kĩ thuật, nhu cầu thị trường trong nước và khả năng liên doanh với nước ngoài. Năm 2004, nước ta đã sản xuất được gần 1,5 triệu tấn phân hoá học, 459,3 nghìn tấn xà phòng giặt, trên 44 nghìn tấn thuốc trừ sâu, 46 nghìn tấn  $H_2SO_4$ , trên 82 nghìn tấn xút...

### **1.4. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng**

a) Về vai trò nói chung của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng : GV chú ý đến tính chất đa dạng và phong phú của các phân ngành cũng như trình độ kĩ thuật công nghệ. GV cũng nên giải thích đặc điểm của ngành này, như tên gọi của nó, sản xuất ra nhiều loại hàng hoá thông dụng phục vụ trước hết cuộc sống thường nhật của mọi tầng lớp dân cư. Việc hình thành, phát triển ngành công nghiệp hàng tiêu dùng chủ yếu dựa vào nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ và nguồn nguyên liệu. Hơn thế nữa, ngành này có thể phát huy khả năng của mọi thành phần kinh tế với nhiều hình thức, quy mô và công nghệ thích hợp.

b) Trước khi đi sâu vào ngành dệt – may, GV nên giới thiệu các phân ngành của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng bao gồm dệt – may, da – giày, nhựa, sành – sứ – thuỷ tinh, giấy – in – văn phòng phẩm...

Về ngành công nghiệp dệt – may :

– GV nên nhấn mạnh những đặc điểm riêng ảnh hưởng đến địa lí sản xuất và phân bố của ngành so với một số ngành công nghiệp nặng. Trước hết, đây là ngành sử dụng nhiều lao động, nhất là lao động nữ với những đức tính cần cù, khéo tay. Ngành này ít gây ô nhiễm môi trường, sử dụng điện và nước ở mức độ vừa phải, vốn đầu tư không lớn... Chính vì vậy, ngành dệt – may được phát triển mạnh mẽ ở tất cả các nước trên thế giới và thường được phân bố ở xung quanh các thành phố lớn, nơi có lực lượng lao động dồi dào, có kĩ thuật, lại có thị trường tiêu thụ rộng lớn.

– GV nên hiểu thêm về ngành may : cùng với nghề dệt vải, nghề may đã xuất hiện từ lâu. Ban đầu may vá bằng tay, tới thời kì cách mạng công nghiệp, máy khâu xuất hiện đỡ cho con người một khối lượng công việc tỉ mỉ và tốn kém thời gian. Hình thức và quy mô ngành may cũng thay đổi và khác nhau, từ đo, cắt may cho từng người với kiểu dáng riêng, giá thành cao cho đến may công nghiệp theo

số đo với các kích cỡ khác nhau, giá thành giảm đi nhiều. Tiền công may một bộ quần áo ở các nước phát triển rất đắt, cao gấp nhiều lần tiền vải. Ăn mặc đúng thời trang ngày càng được chú ý.

– Những nước vừa có ngành dệt may phát triển, vừa là thị trường nhập khẩu và tiêu thụ hàng dệt may lớn là :

- + Các nước EU, mức tiêu thụ sản phẩm dệt may rất cao 18 kg/người/năm, hàng năm EU nhập khẩu 63 tỉ USD với yêu cầu chất lượng và hàm lượng chất xám trong sản phẩm rất cao.
- + Thị trường Nhật Bản, nhập khẩu hàng dệt may khoảng 30 tỉ USD, trong đó riêng quần áo chiếm 67%.
- + Thị trường Hoa Kỳ, mức tiêu thụ hàng dệt may cao 1,5 lần EU (27 kg/người/năm), với giá trị nhập khẩu 50 tỉ USD.

– Những nước có ngành dệt may phát triển và là thị trường xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a.

*c) Liên hệ thực tiễn Việt Nam :* công nghiệp dệt – may là một trong các ngành công nghiệp trọng điểm, trong đó ngành may đang ngày càng có vị trí trên thị trường quốc tế nhờ có sự thay đổi lớn về trang thiết bị, kỹ thuật, mẫu mã, kiểu dáng...

Trong tổng giá trị hàng xuất khẩu, hàng dệt may của Việt Nam tăng từ 850 triệu USD năm 1995 lên trên 2,7 tỉ USD năm 2002, đạt 4,3 tỉ USD năm 2004 và trở thành một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta.

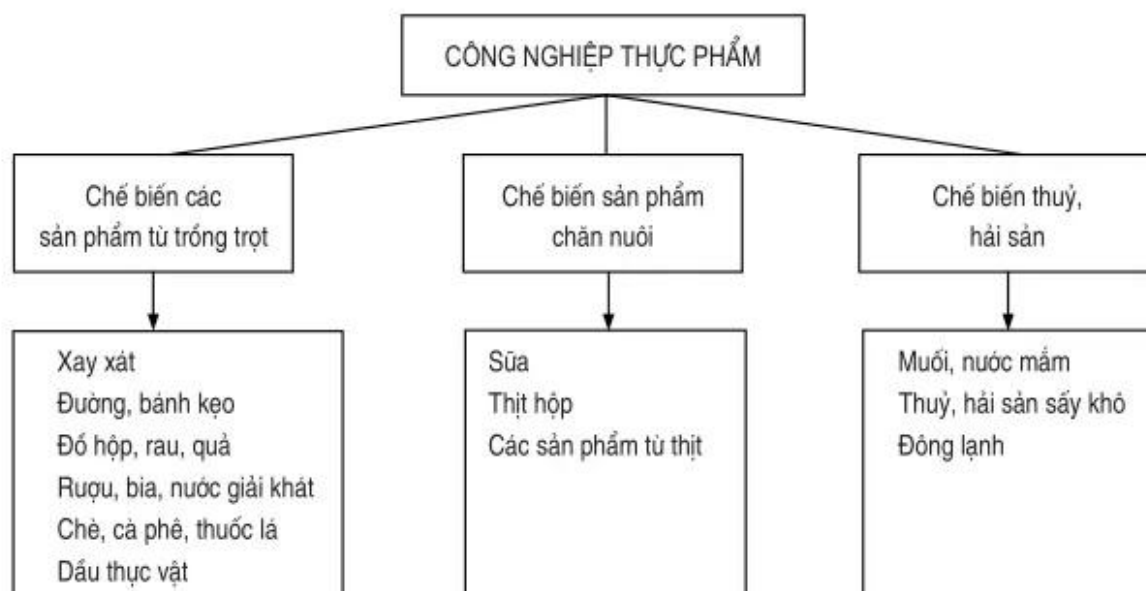
### **1.5. Công nghiệp thực phẩm**

*a)* Ngoài vai trò của ngành thể hiện trong SGK, GV có thể mở rộng thêm ý nghĩa của nó trong xã hội công nghiệp hiện đại. Đồ ăn cần đủ dinh dưỡng giúp con người phục hồi nhanh sức lao động và thuận tiện cho sinh hoạt. Ngoài ra, nó còn giải phóng cho những người nội trợ thoát khỏi cảnh phụ thuộc vào bếp núc cổ truyền. Nhờ hoạt động chế biến, các sản phẩm nông – ngư nghiệp được tăng thêm chất lượng, dễ bảo quản, thuận tiện cho việc vận chuyển và có giá trị trên thị trường.

*b) Về đặc điểm kinh tế :* việc xây dựng các xí nghiệp đòi hỏi vốn đầu tư ít hơn nhiều so với các ngành công nghiệp nặng, vốn quay vòng tương đối nhanh, làm tăng khả năng tích lũy cho nền kinh tế quốc dân.

Ngành công nghiệp thực phẩm được phân bố tương đối linh hoạt, có mặt ở mọi quốc gia, tùy thuộc nhiều vào tính chất của nguồn nguyên liệu. Các xí nghiệp sơ chế đều bám vào vùng nguyên liệu, các xí nghiệp chế biến thành phẩm lại có xu hướng phân bố ngay ở vùng tiêu thụ, kể cả những ngành dựa vào nguyên liệu nhập.

c) Về các sản phẩm của công nghiệp thực phẩm, GV có thể tham khảo sơ đồ sau :



#### d) Liên hệ thực tiễn Việt Nam

– Công nghiệp thực phẩm có vị trí trọng yếu trong cơ cấu công nghiệp nước ta, chiếm khoảng 30% giá trị sản lượng công nghiệp và 40% giá trị kim ngạch xuất khẩu. Ví dụ năm 2004, Việt Nam xuất khẩu 2,4 tỉ USD...

– Một số các mặt hàng nổi tiếng ở ngoài nước và Việt Nam đang tiêu thụ trên thị trường nước ta :

- + Rượu : Pháp, Nga...
- + Bia : Heinken, Tiger, Carlsberg, Sài Gòn, Hà Nội, Halida...
- + Nước giải khát : Pepsi, Coca cola...
- + Đường : Lam Sơn, Biên Hoà, Hiệp Hoà
- + Sữa : Hà Lan, Pháp, Vinamilk...
- + Đồ hộp : Vissan, Hạ Long...



## 2. Phương pháp dạy học

- Sử dụng kênh chữ, sơ đồ, lược đồ và hình ảnh để làm rõ kiến thức trọng tâm.
- Sử dụng sơ đồ hoá.
- Thảo luận theo nhóm và cả lớp.

## IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

### 1. Mở bài

GV có thể nêu tên và ý nghĩa của các ngành công nghiệp sẽ học.

### 2. Tổ chức dạy học

#### a) Gợi ý dạy mục III và IV : Công nghiệp cơ khí và điện tử – tin học

Trong SGK đã có sơ đồ và lược đồ, GV nên đưa ra những câu hỏi và ví dụ để làm rõ vai trò, đặc điểm sản xuất và phân bố của các ngành này, chẳng hạn tại sao công nghiệp cơ khí được coi là "quả tim" của các ngành công nghiệp nặng ? Tại sao công nghiệp điện tử – tin học được xếp vào vị trí hàng đầu trong các ngành công nghiệp của thế kỉ XXI ?

#### b) Gợi ý dạy mục V : Công nghiệp hoá chất

– GV nên nêu các câu hỏi gợi ý để HS trả lời làm rõ vai trò của công nghiệp hoá chất, chẳng hạn, em hãy tìm những sản phẩm của ngành ở xung quanh, hoặc trong gia đình em đang sử dụng những sản phẩm nào của công nghiệp hoá chất.

– Về tình hình sản xuất và phân bố : GV nên khai thác kĩ sơ đồ các phân ngành kết hợp với câu hỏi phát vấn để bài giảng sinh động và có hiệu quả, ví dụ :

+ Các sản phẩm của phân ngành hoá chất cơ bản được sử dụng cho những ngành nào ? Tại sao nó được phân bố rộng rãi ở tất cả các nước ? Ở Việt Nam em biết có những nhà máy nào ?

+ Việc sản xuất sợi hoá học, các chất dẻo... có ý nghĩa như thế nào trong đời sống xã hội ? Tại sao lại tập trung ở các nước phát triển ?

#### c) Gợi ý dạy mục VI và VII : Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp thực phẩm

– GV nên cho HS tìm những ví dụ thực tế của Việt Nam và địa phương để làm rõ kiến thức trong bài, vì đây là những ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta.

– Có thể chia nhóm (theo bàn) để HS trình bày theo sơ đồ.

– Khi tổng kết, GV có thể đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm.

Đánh dấu × vào một trong 4 phương án trả lời (a, b, c, d) mà em cho là đúng nhất :

+ Đặc điểm nổi bật của ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp thực phẩm là :

a) Vốn đầu tư ít, thời gian xây dựng tương đối ngắn

b) Quy trình sản xuất ít phức tạp

c) Thời gian hoàn vốn nhanh, hiệu quả kinh tế cao

d) Tất cả các ý kiến trên

+ Ngành công nghiệp dệt – may và công nghiệp thực phẩm được phát triển thuận lợi ở các vùng :

a) Nguyên liệu phong phú

b) Thị trường tiêu thụ rộng lớn

c) Nguồn lao động dồi dào, nhất là lao động nữ

d) Cả ba điều kiện trên

Đáp án : Ý 1– d

Ý 2– d